TÒA ÁN NHÂN DÂN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
KHU VỰC 3 – ĐÀ NẴNG	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2026/DS-ST
Ngày: 27/3/2026
V/v "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 – ĐÀ NẴNG

****

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hoàng Dũng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hữu Phước.
2. Ông Nguyễn Duy Thảo

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hạnh, Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3 - Đà Nẵng.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Đà Nẵng tham gia phiên tòa*:** Bà Ngô Thị Thanh Thuận, Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 3 năm 2026, tại Tòa án nhân dân khu vực 3 - Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 433/2025/QĐXXST-DS ngày 27 tháng 10 năm 2025 về việc *"Tranh chấp hợp đồng tín dụng"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 433/2026/QĐXXST-DS ngày 24/02/2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 433/2026/QĐST-DS ngày 13 tháng 3 năm 2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP V (V1). Trụ sở: số H L, phường L, quận Đ, thành phố Hà Nội. Đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D, chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị. Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Anh T, chức vụ: Trưởng phòng (theo Văn bản ủy quyền số 30/2025/UQN-CTQT ngày 28/7/2025). Ông Nguyễn Anh T uỷ quyền lại cho ông Nguyễn Văn D1, chức vụ: Chuyên viên xử lý nợ *(Có mặt)*

- Bị đơn: Bà Trần Thị Thanh T1, sinh năm: 1990; Địa chỉ: tổ G, phường T, thành phố Đà Nẵng. *(Vắng mặt)*

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:* ông Tống Phan L, sinh năm: 1985; Địa chỉ: tổ F, khu phố B, phường N, tỉnh Quảng Trị *(Vắng mặt)*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 20/8/2025 và các bản trình bày ngày 12/12/2025, của Ngân hàng Thương mại Cổ phần V, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, ông Nguyễn Văn D1 thống nhất trình bày:

Ngày 05/04/2023, bà Trần Thị Thanh T1 ký kết với Ngân hàng TMCP V (sau đây gọi tắc là V1):

- 01 (một) Hợp đồng cho vay số LD2424801705 ký ngày 04/09/2024, nội dung cụ thể: Số tiền vay theo hạn mức là 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng); mục đích sử dụng

vốn vay: Phục vụ nhu cầu đời sống; thời hạn cho vay là 36 tháng (tính từ ngày tiếp theo của ngày V1 giải ngân vốn vay cho Khách Hàng đến ngày 15/08/2027); Lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm giải ngân: 24%/năm (lãi suất được tính theo năm với một năm là 365 ngày). Cơ chế điều chỉnh lãi suất cho vay trong hạn: Đối với khoản vay có thời hạn cho vay trên 12 tháng: Mức lãi suất cho vay trong hạn theo quy định tại Điểm a, Khoản 7 này được cố định đến ngày 01/01/2025 Lãi suất cho vay trong hạn sau đó được điều chỉnh định kỳ 03 tháng/01 lần. Việc điều chỉnh lãi suất được thực hiện định kỳ vào các ngày 01/01, 01/04, 01/07 và 01/10 hàng năm. Mức điều chỉnh lãi suất được xác định bằng mức Lãi suất tham chiếu áp dụng đối với khoản vay có thời hạn cho vay tương ứng với Thời hạn cho vay nêu tại Khoản 2 cộng (+) biên độ 16. Mức Lãi suất tham chiếu nêu trên được xác định theo Biểu Lãi suất tham chiếu và Biên độ lãi suất linh hoạt VND áp dụng đối với các khoản vay không có Tài sản bảo đảm dành cho Khách hàng cá nhân tại V1 được V1 niêm yết tại website: www.V1.com.vn có hiệu lực tại thời điểm điều chỉnh.

- 01 (một) Hợp đồng cho vay số LN2211257563978 ký ngày 16/01/2023, nội dung cụ thể: Số tiền cho vay: 654.500.000đ (S trăm năm mươi tư triệu, năm trăm nghìn đồng). Mục đích vay là phục vụ nhu cầu đời sống , thời hạn cho vay là 96 tháng, tính từ ngày tiếp theo của ngày bên Ngân hàng giải ngân vốn vay đầu tiên cho bên vay. Lãi suất trong hạn: 13%/năm(lãi suất được tính theo năm với một năm là 365 ngày). Lãi suất cho vay trong hạn được cố định 12 tháng kể từ ngày giải ngân ("Thời gian cố định"). Hết thời gian cố định, lãi suất cho vay sẽ được điều chỉnh. Ngày điều chỉnh lãi suất đầu tiên là ngày đầu tiên sau thời gian cố định, ngày điều chỉnh lãi suất tiếp theo là ngày đầu quý gần nhất tính từ ngày điều chỉnh lãi suất đầu tiên. sau đó lãi suất cho vay trong hạn được điều chỉnh định kì 03 tháng/01 lần vào các ngày đầu quý tiếp theo (ngày đầu quý là các ngày 01/01; 01/04; 01/07; 01/10). Trường hợp ngày điều chỉnh lãi suất rơi vào ngày chủ nhật, ngày nghỉ lễ theo quy định của V1 thì ngày điều chỉnh lãi suất là ngày làm việc đầu tiên liền sau ngày chủ nhật, ngày nghỉ lễ đó. Mức lãi suất điều chỉnh được xác định bằng mức lãi suất cơ sở VNĐ áp dụng đối với khoản vay có tài sản bảo đảm dành cho khách hàng cá nhân kỳ hạn 300 tháng được bên ngân hàng công bố (được niêm yết tai website: www.V1.com.vn) có hiệu lực tại thời điểm điều chỉnh (+) biên độ 3.5%/năm. Lãi suất quá hạn: Lãi suất cho vay áp dụng đối với dư nợ gốc quá hạn bằng 150% mức lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chuyển nợ quá hạn. Lãi suất chậm trả áp dụng đối với tiền lãi chậm trả bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chậm trả lãi nhưng tối đa không quá 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

- Giấy đề nghị vay vốn có tài sản bảo đảm kiêm phương án sử dụng vốn; Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ; giấy đề nghị kiêm hợp đồng mở và sử dụng tài khoản thanh toán và dịch vụ ngân hàng Đ ký ngày 05/03/2023: Hạn mức/ số tiền vay: 45,000,000 triệu đồng; thời hạn cho vay: 60 tháng; mục đích vay vốn là mua sắm tiêu dùng; lãi suất trong hạn: theo lãi suất ban hành của V1 theo từng thời kỳ.

Ngày 04/9/2024, Ngân hàng TMCP V đã giải ngân cho bà Trần Thị Thanh T1 số tiền

là: 100.000.000 đồng phù hợp với yêu cầu của khách hàng, phù hợp với thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số LD2424801705 ký ngày 04/09/2024.
Ngày 17/01/2023, Ngân hàng TMCP V đã giải ngân cho bà Trần Thị Thanh T1 số tiền là: 654.500.000 đồng phù hợp với yêu cầu của khách hàng, phù hợp với thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số LN2211257563978 ký ngày 16/01/2023.
Để đảm bảo cho khoản vay trên, ngày 16/01/2023, bà Trần Thị Thanh T1 đã ký với Ngân hàng TMCP V 01 Hợp đồng thế chấp xe ôtô số LN2211257563978 ngày 16/01/2023. Tài sản đảm bảo là: 01 Xe ô tô nhãn hiệu FORD TERITORY TITANIUM X, 1,5L động cơ xăng AT, biển số đăng ký: 43A-736.22, có số khung: RL05DYD7MNGR35628, số máy: NBG102830 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 43 033753, do Phòng C – Công an Thành phố Đ cấp ngày 11/01/2023; tên chủ xe là Trần Thị Thanh T1.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, bà Trần Thị Thanh T1 đã thanh toán được số tiền nợ gốc là 14.262.617 đồng đối với Hợp đồng tín dụng số LD2424801705 ký ngày 04/09/2024 và 194.086.000 đồng đối với Hợp đồng tín dụng số LN2211257563978 ký ngày 16/01/2023. Sau đó, bà T1 vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với Ngân hàng TMCP V, các khoản vay đã bắt đầu chuyển nợ quá hạn từ ngày từ ngày 15/5/2025; V1 đã đôn đốc, tạo điều kiện nhiều lần để bà T1 trả nợ nhưng bà T1 vẫn cố tình vi phạm, không thực hiện theo đúng thỏa thuận trong các hợp đồng đã ký và theo các quy định của pháp luật. Tạm tính đến ngày 27/3/2026, bà Trần Thị Thanh T1 còn nợ lại V1 tổng số tiền gốc và lãi là 655.543.918 đồng (Sáu trăm năm mươi lăm triệu, năm trăm bốn mươi ba nghìn, chín trăm mười tám đồng), cụ thể:
+ Đối với Hợp đồng tín dụng số LD2424801705 ngày 04/09/2024 là 108.191.679 đồng (Một trăm lẻ tám triệu, một trăm chín mươi mốt nghìn, sáu trăm bảy mươi chín đồng); trong đó: Nợ gốc là 85.737.383 đồng, nợ lãi trong hạn là 17.122.944 đồng, nợ lãi quá hạn là 4.526.500 đồng, lãi phạt chậm trả lãi là 804.852 đồng.
+ Đối với Hợp đồng tín dụng số LN2211257563978 ký ngày 16/01/2023 là 533.360.232 đồng (Năm trăm ba mươi ba triệu, ba trăm sáu mươi nghìn, hai trăm ba mươi hai đồng); trong đó: Nợ gốc là 460.414.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 62.512.128 đồng, nợ lãi quá hạn là 7.638.784 đồng, lãi phạt chậm trả lãi là 2.795.320 đồng.

+ Nợ thẻ tín dụng là 13.992.007 đồng (Mười ba triệu, chín trăm chín mươi hai nghìn, không trăm lẻ bảy đồng).

Vì vậy, Ngân hàng TMCP V yêu cầu Tòa án buộc bà T1 phải thanh toán toàn bộ nợ vay với tổng số tiền tạm tính đến ngày 27/3/2026 là: 655.543.918 đồng (Sáu trăm năm mươi lăm triệu, năm trăm bốn mươi ba nghìn, chín trăm mười tám đồng) đối với Hợp đồng tín dụng số LD2424801705 ngày 04/09/2024, Hợp đồng tín dụng số LN2211257563978 ký ngày 16/01/2023, Giấy đề nghị vay vốn có tài sản bảo đảm kiêm phương án sử dụng vốn; Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ; giấy đề nghị kiêm hợp đồng mở và sử dụng tài khoản thanh toán và dịch vụ ngân hàng Đ ký ngày 05/03/2023 và tiếp tục chịu các khoản lãi phát sinh theo đúng thỏa thuận tại các Hợp đồng tín dụng kể từ ngày 28/3/2026 cho đến khi bà T1 thanh toán hết các nghĩa vụ cho Ngân hàng.

Bà Trần Thị Thanh T1 phải tiếp tục trả lãi theo mức lãi suất quá hạn các bên đã thỏa thuận trong các hợp đồng tín dụng nêu trên, kể từ ngày 28/3/2026 cho đến khi thanh toán hết nợ cho Ngân hàng V1.

Trường hợp, bà Trần Thị Thanh T1 không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì ngân hàng V1 có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền kê biên, phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ, tài sản là: 01 Xe ô tô nhãn hiệu FORD TERITORY TITANIUM X, 1,5L động cơ xăng AT, biển số đăng ký: 43A-736.22, có số khung: RL05DYD7MNGR35628, số máy: NBG102830 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 43 033753, do Phòng C – Công an Thành phố Đ cấp ngày 11/01/2023; tên chủ xe là Trần Thị Thanh T1.

Bà Trần Thị Thanh T1 phải chịu án phí và các chi phí tố tụng liên quan.

Tại phiên Tòa, Ngân hàng V1 rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu Tòa án nhân dân khu vực 3 - Đà Nẵng xem xét, giải quyết buộc bà Trần Thị Thanh T1 trả nợ cho V1 số tiền là 13.992.007 đồng (Mười ba triệu, chín trăm chín mươi hai nghìn, không trăm lẻ bảy đồng) đối với Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ; giấy đề nghị kiêm hợp đồng mở và sử dụng tài khoản thanh toán và dịch vụ ngân hàng Đ ký ngày 05/03/2023 và tiếp tục chịu các khoản lãi phát sinh theo đúng thỏa thuận tại các Hợp đồng tín dụng kể từ ngày 28/3/2026.

** Tại phiên Toà, bị đơn bà Trần Thị Thanh T1 vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt. Theo bản tự khai ngày 20/8/2025, trong quá trình giải quyết vụ án bà T1 trình bày:*

Về các hợp đồng vay, bà T1 có ký kết các hợp đồng tín dụng với V1, gồm Hợp đồng cho vay số LN2211257563978 ký ngày 16/01/2023, số tiền vay 654.500.000 đồng; Hợp đồng cho vay số LD2424801705 ký ngày 04/09/2024, hạn mức 100.000.000 đồng; Hạn mức tín dụng theo đề nghị mở tài khoản thanh toán từ ngày 05/03/2023, hạn mức 45.000.000 đồng. Về số tiền nợ theo V1 kê khai theo thông báo của V1, đến ngày 12/12/2025, ngân hàng cho rằng bà T1 còn nợ các khoản nợ gốc: 556.151.383 đồng, nợ lãi: 58.658.870 đồng, nợ thẻ tín dụng: 13.770.144 đồng, tổng cộng là 628.580.397 đồng.

Về tài sản bảo đảm: V1 kê khai tài sản bảo đảm là xe ô tô For Territory Titanium X, biển số 43A-736.22. Bà T1 đề nghị Tòa kiểm tra hồ sơ thế chấp, xác định rõ giá trị tài sản, tính pháp lý và phạm vi nghĩa vụ bảo đảm.

Ý kiến và đề nghị của bà T1: Tôi đề nghị V1 cung cấp đầy đủ bảng sao kê giải ngân, sao kê gốc – lãi – phí, lịch trả nợ, các thông báo điều chỉnh lãi suất. Bà T1 cam kết hợp tác và cung cấp thông tin đầy đủ theo yêu cầu của Tòa. Bà T1 đề nghị Tòa xem xét khách quan, đảm bảo quyền lợi hợp pháp của bà T1 theo quy định pháp luật.

** Đối với người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là ông Tống Phan L vắng mặt tại phiên Tòa hai lần có đơn xin xét xử vắng mặt và cũng không gửi ý kiến trình bày. Vì vậy, ông Tống Phan L không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình.*

** Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 – Đà Nẵng tại phiên tòa sơ thẩm:*

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự của người tiến hành tố tụng và của người tham gia tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tiến hành thụ lý, thu thập chứng cứ và xét xử vụ án theo đúng thẩm quyền, đúng trình tự thủ tục tố tụng mà pháp luật quy định. Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng các quy định của pháp luật, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có ý thức chấp hành pháp luật không nghiêm.

Đối với nội dung vụ án: đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 – Đà Nẵng đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 463, 466 Bộ luật dân sự; các Điều 91, 95 của Luật Các tổ chức tín dụng; căn cứ vào Hợp đồng tín dụng số LD2424801705 ngày 04/09/2024, Hợp đồng tín dụng số LN2211257563978 ký ngày 16/01/2023, Giấy đề nghị vay vốn có tài sản bảo đảm kiêm phương án sử dụng vốn; Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ; giấy đề nghị kiêm hợp đồng mở và sử dụng tài khoản thanh toán và dịch vụ ngân hàng Đ ký ngày 05/03/2023 và tiếp tục chịu các khoản lãi phát sinh theo đúng thỏa thuận tại các Hợp đồng tín dụng kể từ ngày 28/3/2026 cho đến khi bà T1 thanh toán hết các nghĩa vụ cho Ngân hàng; Hợp đồng thế chấp xe ôtô số LN2211257563978 ngày 16/01/2023:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là Ngân hàng TMCP V đối với bị đơn bà Trần Thị Thanh T1, buộc bà T1 phải trả tổng số tiền nợ gốc và lãi tạm tính đến hết ngày 27/3/2026 là 641.551.911 đồng (Sáu trăm bốn mươi mốt triệu, năm trăm năm mươi mốt nghìn, chín trăm mười một đồng), cụ thể:

+ Đối với Hợp đồng tín dụng số LD2424801705 ngày 04/09/2024 là 108.191.679 đồng (Một trăm lẻ tám triệu, một trăm chín mươi mốt nghìn, sáu trăm bảy mươi chín đồng); trong đó: Nợ gốc là 85.737.383 đồng, nợ lãi trong hạn là 17.122.944 đồng, nợ lãi quá hạn là 4.526.500 đồng, lãi phạt chậm trả lãi là 804.852 đồng.

+ Đối với Hợp đồng tín dụng số LN2211257563978 ký ngày 16/01/2023 là 533.360.232 đồng (Năm trăm ba mươi ba triệu, ba trăm sáu mươi nghìn, hai trăm ba mươi hai đồng); trong đó: Nợ gốc là 460.414.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 62.512.128 đồng, nợ lãi quá hạn là 7.638.784 đồng, lãi phạt chậm trả lãi là 2.795.320 đồng.

Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của V1 về việc buộc bà Trần Thị Thanh T1 trả nợ cho V1 đối với nợ thẻ tín dụng là 13.992.007 đồng (Mười ba triệu, chín trăm chín mươi hai nghìn, không trăm lẻ bảy đồng) theo Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ; giấy đề nghị kiêm hợp đồng mở và sử dụng tài khoản thanh toán và dịch vụ ngân hàng Đ ký ngày 05/03/2023.

Bà T1 phải tiếp tục chịu khoản nợ lãi phát sinh kể từ ngày 28/3/2026 cho đến khi bà T1 thanh toán xong toàn bộ các khoản nợ theo quy định tại Hợp đồng tín dụng số LD2424801705 ngày 04/09/2024, Hợp đồng tín dụng số LN2211257563978 ký ngày 16/01/2023. Trường hợp, bà T1 không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ, thì Ngân hàng V1 có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền kê biên, phát mãi tài sản thế chấp là 01 Xe ô tô nhãn hiệu FORD TERITORY TITANIUM X, 1,5L động cơ xăng AT, biển số đăng ký: 43A-736.22, có số khung: RL05DYD7MNGR35628, số máy: NBG102830 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 43 033753, do Phòng C – Công an Thành phố Đ cấp ngày 11/01/2023; tên chủ xe là Trần Thị Thanh T1 để thu hồi nợ.

Bà Trần Thị Thanh T1 phải chịu án phí và các chi phí tố tụng liên quan

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Theo nội dung đơn khởi kiện, V1 khởi kiện yêu cầu bà Trần Thị Thanh T1 trả nợ vay là quan hệ tranh chấp dân sự về việc "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng"*. Bị đơn là bà Trần Thị Thanh T1 hiện có hộ khẩu thường trú tại địa chỉ tổ G, phường T, thành phố Đà Nẵng. Căn cứ theo quy định tại các Điều 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, căn cứ vào mục 6.55 Phụ lục tên gọi và phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Toà án nhân dân khu vực; kế thừa quyền và nghĩa vụ trách nhiệm của Toà án nhân dân khu vực của Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội và khoản 1 Điều 6 Nghị quyết 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định về tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện thẩm quyền của Tòa án nhân dân thì thẩm quyền giải quyết thuộc về Tòa án nhân dân khu vực 3 - Đà Nẵng.

[2] *Về thủ tục tố tụng:*

Trước khi mở phiên tòa, Tòa án đã thông báo, niêm yết, tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa của Tòa án cho đại diện theo ủy quyền của V1 là ông Nguyễn Văn D1, bị đơn bà Trần Thị Thanh T1 và người liên quan ông Tống Phan L. Tại phiên tòa, ông D1 có mặt; bà T1 và ông L vắng mặt tại phiên tòa mặc dù đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai (bà T1, ông L đều có đơn xin xét xử vắng mặt). Theo quy định tại Điều 222, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vụ án vắng mặt đối với bị đơn bà Trần Thị Thanh T1 và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Tống Phan L.

[3] *Về áp dụng pháp luật nội dung:*

V1 ký kết với bà Trần Thị Thanh T1 Hợp đồng tín dụng số LD2424801705 ký ngày 04/09/2024, Hợp đồng tín dụng số LN2211257563978 ký ngày 16/01/2023 và Giấy đề nghị vay vốn có tài sản bảo đảm kiêm phương án sử dụng vốn; Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ; giấy đề nghị kiêm hợp đồng mở và sử dụng tài khoản thanh toán và dịch vụ ngân hàng Đ ký ngày 05/03/2023 với mục đích cho bà Trần Thị Thanh T1 vay tiền để thanh toán tiền mua xe và tiêu dùng cá nhân. Các hợp đồng này được xác lập trên cơ sở tự nguyện thỏa thuận, hình thức và nội dung hợp đồng không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội và phù hợp với quy định của pháp luật nên đây là hợp đồng hợp pháp, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên theo hợp đồng trên cơ sở qui định tại các Điều 463 và Điều 466 Bộ luật Dân sự. Nay bà T1 vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ, V1 khởi kiện yêu cầu bà Trần Thị Thanh T1 trả nợ vay nên Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 450, 463 và Điều 466 của Bộ luật Dân sự; các Điều 91, 95 của Luật Các tổ chức tín dụng để giải quyết vụ án.

[4] *Về việc thay đổi, bổ sung, rút yêu cầu khởi kiện:*

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án V1 yêu cầu Toà án giải quyết buộc bà Trần Thị Thanh T1 phải có nghĩa vụ trả nợ cho V1 tổng số tiền tạm tính đến 27/3/2026 là 655.543.918 đồng (S trăm năm mươi lăm triệu, năm trăm bốn mươi ba nghìn, chín trăm mười tám đồng), cụ thể:

+ Đối với Hợp đồng tín dụng số LD2424801705 ngày 04/09/2024 là 108.191.679 đồng (Một trăm lẻ tám triệu, một trăm chín mươi mốt nghìn, sáu trăm bảy mươi chín đồng); trong đó: Nợ gốc là 85.737.383 đồng, nợ lãi trong hạn là 17.122.944 đồng, nợ lãi quá hạn là 4.526.500 đồng, lãi phạt chậm trả lãi là 804.852 đồng.

+ Đối với Hợp đồng tín dụng số LN2211257563978 ký ngày 16/01/2023 là 533.360.232 đồng (Năm trăm ba mươi ba triệu, ba trăm sáu mươi nghìn, hai trăm ba mươi hai đồng); trong đó: Nợ gốc là 460.414.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 62.512.128 đồng, nợ lãi quá hạn là 7.638.784 đồng, lãi phạt chậm trả lãi là 2.795.320 đồng.

+ Nợ thẻ tín dụng là 13.992.007 đồng (Mười ba triệu, chín trăm chín mươi hai nghìn, không trăm lẻ bảy đồng).

. Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với Nợ thẻ tín dụng là 13.992.007 đồng (Mười ba triệu, chín trăm chín mươi hai nghìn, không trăm lẻ bảy đồng). Xét thấy, việc người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định tại Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự, nên Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu mà nguyên đơn đã rút.

[2] Về nội dung vụ án:

Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP V thì thấy:

[2.1] *Về việc xác lập hợp đồng:* Hợp đồng tín dụng số LD2424801705 ngày 04/09/2024, Hợp đồng tín dụng số LN2211257563978 ký ngày 16/01/2023 mà bà Trần Thị Thanh T1 ký với V1 và thỏa mãn các điều kiện có hiệu lực của hợp đồng dân sự theo quy định tại các Điều 117, 118 và 119 của Bộ luật Dân sự và phù hợp với quy định của Luật các Tổ chức tín dụng nên có hiệu lực pháp luật đối với các bên tham gia ký kết.

[2.2] *Về yêu cầu thanh toán:*

[2.2.1] *Nợ gốc:* Ngày 04/09/2024, V1 đã giải ngân cho bà T1 số tiền là: 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng) đối với Hợp đồng cho vay số LD2424801705 ký ngày 04/09/2024 và 654.500.000đ (Sáu trăm năm mươi tư triệu, năm trăm nghìn đồng) đối với Hợp đồng cho vay số LN2211257563978 ký ngày 16/01/2023 là có thật.

Căn cứ vào nội dung bảng kê tình hình giao dịch khế ước từ ngày 04/09/2024 đến ngày 15/02/2026, bà Trần Thị Thanh T1 đã thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc cho V1 đối với Hợp đồng cho vay số LD2424801705 số tiền gốc là 14.262.617 đồng.

Căn cứ vào nội dung bảng kê tình hình giao dịch khế ước từ ngày 17/01/2023 đến ngày 23/02/2026, bà Trần Thị Thanh T1 đã thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc cho V1 đối với Hợp đồng cho vay số LN2211257563978 số tiền gốc là 194.086.000 đồng.

Trong quá trình bà Trần Thị Thanh T1 thực hiện nghĩa vụ trả nợ có sự không đều đặn và kể từ ngày 27/4/2025 cho đến nay, bà Trần Thị Thanh T1 không thanh toán thêm khoản tiền nào khác đối với Hợp đồng cho vay số LD2424801705; từ ngày 28/01/2026

cho đến nay bà Trần Thị Thanh T1 không thanh toán thêm khoản tiền nào khác đối với Hợp đồng cho vay số LN2211257563978. Vậy, tổng số tiền nợ gốc mà bà Trần Thị Thanh T1 có nghĩa vụ phải trả cho V1 là 546.151.383 đồng (Năm trăm bốn mươi sáu triệu, một trăm năm mươi mốt nghìn, ba trăm tám mươi ba đồng) trong đó: Nợ gốc là 85.737.383 đồng đối với Hợp đồng tín dụng số LD2424801705 ngày 04/09/2024 và 460.414.000 đồng đối với Hợp đồng tín dụng số LN2211257563978 ký ngày 16/01/2023.

Bà T1 vi phạm nghĩa vụ trả nợ của các Hợp đồng tín dụng đã ký kết. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu khởi kiện của V1 về việc buộc bà T1 trả số tiền nợ gốc là 546.151.383 đồng (Năm trăm bốn mươi sáu triệu, một trăm năm mươi mốt nghìn, ba trăm tám mươi ba đồng) của 02 Hợp đồng tín dụng số LD2424801705 ngày 04/09/2024 và số LN2211257563978 ký ngày 16/01/2023 là có cơ sở chấp nhận, phù hợp quy định tại Điều 466 của Bộ luật Dân sự.

[2.2.2] *Nợ lãi:*

Căn cứ nội dung của Hợp đồng cho vay số LD2424801705 mà V1 đã ký với bà Trần Thị Thanh T1 ngày 04/09/2024 thì các bên đương sự có thỏa thuận lãi suất cho vay: 24%/năm cố định trong 12 tháng kể từ ngày giải ngân; lãi suất áp dụng sau thời gian ưu đãi được điều chỉnh định kỳ 03 tháng/lần; lãi suất nợ gốc quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn; lãi suất nợ lãi chậm trả do hai bên thỏa thuận không vượt quá 10%/năm; phương thức điều chỉnh lãi suất là từ tháng 13 trở đi, áp dụng lãi suất thả nổi.

Căn cứ nội dung của Hợp đồng cho vay số LN2211257563978 mà V1 đã ký với bà Trần Thị Thanh T1 ngày 16/01/2023 thì các bên đương sự có thỏa thuận lãi suất cho vay: 13%/năm cố định trong 12 tháng kể từ ngày giải ngân; lãi suất áp dụng sau thời gian ưu đãi được điều chỉnh định kỳ 03 tháng/lần; lãi suất nợ gốc quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn; lãi suất nợ lãi chậm trả do hai bên thỏa thuận không vượt quá 10%/năm; phương thức điều chỉnh lãi suất là từ tháng 13 trở đi, áp dụng lãi suất thả nổi.

Xét thấy, thỏa thuận này được xác lập trên cơ sở tự nguyện thỏa thuận, sự thỏa thuận này không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội. Nội dung các khoản lãi mà các đương sự thỏa thuận phù hợp với quy định tại khoản 5 Điều 466 Bộ luật dân sự và khoản 2 Điều 8 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 về việc hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm: thì các khoản lãi phải trả bao gồm lãi trên nợ gốc theo lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tương ứng với thời hạn vay mà đến hạn chưa trả; lãi chậm trả lãi (10%/năm) và lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả bằng 150% lãi suất vay theo hợp đồng tương ứng với thời gian chậm trả.

Tại Điều 7 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm quy định: *"1. Lãi, lãi suất trong hợp đồng tín dụng do các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của Luật Các tổ chức tín dụng và văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết, hướng dẫn áp dụng Luật Các tổ chức tín dụng tại thời điểm xác lập hợp đồng, thời điểm tính lãi suất. 2. Khi giải quyết tranh chấp hợp đồng*

tín dụng, Tòa án áp dụng quy định của Luật Các tổ chức tín dụng, văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết, hướng dẫn áp dụng Luật Các tổ chức tín dụng để giải quyết mà không áp dụng quy định về giới hạn lãi suất của Bộ luật Dân sự để xác định lãi, lãi suất".

Tại khoản 2 Điều 91 Luật các Tổ chức tín dụng quy định: *"Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật về các tổ chức tín dụng".*

Bà Trần Thị Thanh T1 đã được Ngân hàng thông báo về lãi suất cho vay, không có ý kiến gì, đã thực hiện trả gốc, trả lãi đối với các Hợp đồng tín dụng nêu trên. Xét thấy sự thỏa thuận mức lãi suất của các đương sự không phụ thuộc vào Bộ luật Dân sự mà được điều chỉnh theo Luật Các tổ chức tín dụng.

Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 91, 95 Luật Các tổ chức tín dụng; Thông tư số: 12/2010/TT-NHNN ngày 14/4/2010 về việc Ngân hàng N hướng dẫn tổ chức tín dụng cho vay bằng đồng Việt Nam đối với khách hàng theo lãi suất thỏa thuận; căn cứ vào Bảng kê tính lãi vay, Bảng kê tính lãi quá hạn và Bảng kê dư nợ gốc lãi tính đến ngày 27/3/2026, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần V về việc buộc bà Trần Thị Thanh T1 phải trả tiền lãi phát sinh theo mức lãi thỏa thuận tại các Hợp đồng tín dụng; tiền lãi tính đến ngày 27/3/2026 được chấp nhận là:

+ Đối với Hợp đồng tín dụng số LD2424801705 ngày 04/09/2024 là 22.454.296 (hai mươi hai triệu, bốn trăm năm mươi bốn nghìn, hai trăm chín mươi sáu đồng); trong đó: nợ lãi trong hạn là 17.122.944 đồng, nợ lãi quá hạn là 4.526.500 đồng, lãi phạt chậm trả lãi là 804.852 đồng.

+ Đối với Hợp đồng tín dụng số LN2211257563978 ký ngày 16/01/2023 là 72.946.232 đồng (Bảy mươi hai triệu, chín trăm bốn mươi sáu nghìn, hai trăm ba mươi hai đồng); trong đó: nợ lãi trong hạn là 62.512.128 đồng, nợ lãi quá hạn là 7.638.784 đồng, lãi phạt chậm trả lãi là 2.795.320 đồng.

[2.3] *Về xử lý tài sản thế chấp:*

Để đảm bảo cho khoản vay của các Hợp đồng tín dụng thì bà Trần Thị Thanh T1 đã ký với V1 01 Hợp đồng thế chấp xe ôtô số LN2211257563978 ngày 16/01/2023. Hợp đồng này được xác lập trên cơ sở tự nguyện thỏa thuận giữa bên nhận thế chấp là V1, bên thế chấp là bà Trần Thị Thanh T1; hình thức và nội dung hợp đồng phù hợp với quy định của pháp luật nên đây là hợp đồng hợp pháp, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên theo hợp đồng đã ký kết.

Căn cứ Điều 3 của Hợp đồng thế chấp xe ôtô qui định về nghĩa vụ được đảm bảo đã qui định *"...Tài Sản Thế Chấp nêu tại Điều 2 Hợp Đồng này bảo đảm cho việc thực hiện toàn bộ nghĩa vụ hiện tại và trong tương lai, bao gồm nghĩa vụ trả nợ gốc, lãi, các khoản phí, các khoản phạt, các khoản bồi thường thiệt hại, các khoản phải hoàn trả và tất cả các nghĩa vụ tài chính khác của Bên Được Bảo Đảm đối với Bên Ngân Hàng phát sinh từ tất cả các Văn Kiện Tín Dụng (bao gồm cả các phụ lục, văn bản sửa đổi, bổ sung, khế ước nhận nợ, đề nghị phát hành bảo lãnh, đề nghị phát hành L1, đề nghị chiết khấu và các văn bản liên quan (nếu có)) được xác lập bởi Bên Được Bảo Đảm và/hoặc được ký kết giữa Bên Được Bảo Đảm với Bên Ngân Hàng và bên liên quan khác (nếu có) trước, trong và sau ngày ký kết Hợp Đồng này..."*

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành triệu tập ông Tống Phan L là chồng của bà T1 và cũng là đồng sở hữu của tài sản đang thế chấp, cùng với bà T1 ký kết Hợp đồng thế chấp xe ôtô số LN2211257563978 ngày 16/01/2023 để làm rỏ ý kiến của ông trong trường hợp vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ thì sẽ xử lý tài sản thế chấp để V1 thu hồi nợ. Tuy nhiên, ông L vắng mặt tại Tòa, không có ý kiến trình bày về tài sản đang được thế chấp; không phối hợp bàn giao tài sản cho Tòa án tiến hành thủ tục xem xét, thẩm định tại chổ đối với tài sản đang thế chấp.

Tòa án nhân dân khu vực 3 – Đà Nẵng nhận thấy nội dung tài sản thế chấp được qui định tại Điều 2 của Hợp đồng thế chấp xe ôtô số LN2211257563978 ngày 16/01/2023 hoàn toàn thống nhất với Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 43 033753 do Phòng C – Công an Thành phố Đ cấp ngày 11/01/2023 cho bà Trần Thị Thanh T1.

Như vậy, Hội đồng xét xử nhận thấy yêu cầu của V1 đối với trường hợp bà Trần Thị Thanh T1 không thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo Hợp đồng tín dụng thì V1 có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền kê biên, phát mại tài sản bảo đảm đối với 01 Xe ô tô nhãn hiệu FORD TERITORY TITANIUM X, 1,5L động cơ xăng AT, biển số đăng ký: 43A-736.22, có số khung: RL05DYD7MNGR35628, số máy: NBG102830 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 43 033753, do Phòng C – Công an thành phố Đ cấp ngày 11/01/2023; tên chủ xe là Trần Thị Thanh T1.

[3] Án phí Dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bà Trần Thị Thanh T1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật; V1 không phải chịu án phí. Hoàn trả cho V1 tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp.

[4] Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 2.000.000 đồng, bà Trần Thị Thanh T1 phải chịu và có nghĩa vụ hoàn trả lại cho V1 số tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 2.000.000 đồng mà Ngân hàng đã nộp, đã chi.

[5] Xét quan điểm đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa đối với việc chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về nợ gốc, lãi trong hạn, lãi quá hạn và lãi chậm trả lãi là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, 144, 147, 227, 228, 235, 271, 273, 278 và Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 450, 463 và Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 91, 95 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 *(được sửa đổi, bổ sung năm 2017)*;

Căn cứ Thông tư số: 12/2010/TT-NHNN ngày 14/4/2010 của Ngân hàng N hướng dẫn tổ chức tín dụng cho vay bằng đồng Việt Nam đối với khách hàng theo lãi suất thoả thuận;

Căn cứ Điều 7, Điều 8 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần V đối với bà Trần Thị Thanh T1.

Buộc bà Trần Thị Thanh T1 phải thanh toán cho V1 tổng số tiền nợ gốc và lãi tính đến ngày 27/3/2026 là 641.551.911 đồng (Sáu trăm bốn mươi mốt triệu, năm trăm năm mươi mốt nghìn, chín trăm mười một đồng), cụ thể:

+ Đối với Hợp đồng tín dụng số LD2424801705 ngày 04/09/2024 là 108.191.679 đồng (Một trăm lẻ tám triệu, một trăm chín mươi mốt nghìn, sáu trăm bảy mươi chín đồng); trong đó: Nợ gốc là 85.737.383 đồng, nợ lãi trong hạn là 17.122.944 đồng, nợ lãi quá hạn là 4.526.500 đồng, lãi phạt chậm trả lãi là 804.852 đồng.

+ Đối với Hợp đồng tín dụng số LN2211257563978 ký ngày 16/01/2023 là 533.360.232 đồng (Năm trăm ba mươi ba triệu, ba trăm sáu mươi nghìn, hai trăm ba mươi hai đồng); trong đó: Nợ gốc là 460.414.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 62.512.128 đồng, nợ lãi quá hạn là 7.638.784 đồng, lãi phạt chậm trả lãi là 2.795.320 đồng

2. Kể từ ngày 28/3/2026, bà Trần Thị Thanh T1 còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong các hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà bà Trần Thị Thanh T1 phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo Quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

3. Phương thức xử lý tài sản thế chấp:

Trong trường hợp bà Trần Thị Thanh T1 không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho V1, V1 có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền kê biên, phát mại tài sản bảo đảm, cụ thể là: "01 Xe ô tô nhãn hiệu FORD TERITORY TITANIUM X, 1,5L động cơ xăng AT, biển số đăng ký: 43A-736.22, có số khung: RL05DYD7MNGR35628, số máy: NBG102830 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 43 033753, do Phòng C – Công an Thành phố Đ cấp ngày 11/01/2023; tên chủ xe là Trần Thị Thanh T1. Tài sản này được bà Trần Thị Thanh T1 và ông Tống Phan L thế chấp tại V1 theo Hợp đồng thế chấp xe ôtô số LN2211257563978 ngày 16/01/2023 để Ngân hàng TMCP V thu hồi nợ đối với Hợp đồng tín dụng số LD2424801705 ngày 04/09/2024 và Hợp đồng tín dụng số LN2211257563978 ký ngày 16/01/2023.

Trường hợp bà Trần Thị Thanh T1 thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ thì V1 trả lại cho bà Trần Thị Thanh T1 01 (một) Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 43 033753, do Phòng C – Công an Thành phố Đ cấp ngày 11/01/2023; tên chủ xe là Trần Thị Thanh T1.

4. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của V1 về việc buộc bà Trần Thị Thanh T1 trả nợ cho V1 đối với nợ thẻ tín dụng là 13.992.007 đồng (Mười ba triệu, chín trăm chín

mươi hai nghìn, không trăm lẻ bảy đồng) theo Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ; giấy đề nghị kiêm hợp đồng mở và sử dụng tài khoản thanh toán và dịch vụ ngân hàng Đ ký ngày 05/03/2023.

5. Án phí Dân sự sơ thẩm số tiền là 29.662.076,44 đồng (Hai mươi chín triệu, sáu trăm sáu mươi hai nghìn, không trăm bảy mươi sáu phẩy bốn mươi bốn đồng) bà Trần Thị Thanh T1 phải chịu.

Ngân hàng TMCP V không phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP V số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 13.873.035 đồng (Mười ba triệu, tám trăm bảy mươi ba nghìn không trăm ba mươi lăm đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0004426 ngày 23/10/2025 của Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng.

6. Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng), bà Trần Thị Thanh T1 phải chịu và có nghĩa vụ hoàn trả lại cho Ngân hàng TMCP V số tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) mà Ngân hàng TMCP V đã nộp, đã chi.

7. Quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên Tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (27/3/2026). Các đương sự vắng mặt tại phiên Tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND thành phố Đà Nẵng;
- VKSND khu vực 3 – Đà Nẵng;
- VKSND thành phố Đà Nẵng;
- THADS thành phố Đà Nẵng;
- Thành phần tham gia tố tụng;
- Lưu HS, án văn.

Trần Hoàng Dũng

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**